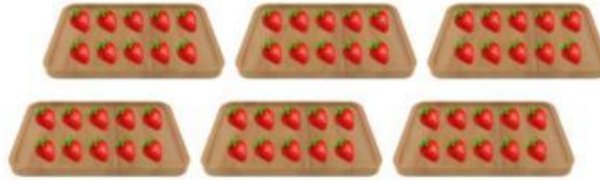


Họ và tên:.....Lớp: 1....

PHIẾU RÈN TOÁN CUỐI TUẦN 24

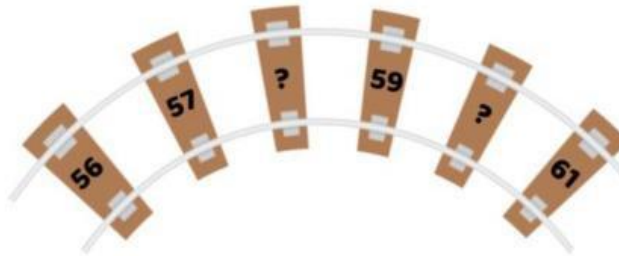
I. Trắc nghiệm.

Câu 1. Có tất cả ... quả dâu.



- A. 50 B. 60 C. 70 D. 80

Câu 2. Dãy số sau còn thiếu các số lần lượt là



- A. 57; 59. B. 58; 60. C. 56; 58. D. 59; 61.

Câu 3. Số 84 được đọc là

- A. tám bốn. B. bốn mươi tám.
C. tám tư. D. tám mươi tư.

Câu 4. “Ba mươi sáu” được viết là

- A. 36. B. 63. C. 306. D. 603.

Câu 5. Số liền trước của 94 là

- A. 92. B. 93. C. 94. D. 95.

Câu 6. Số liền sau của 33 là

- A. 32. B. 33. C. 34. D. 35.

Câu 7. Điền dấu thích hợp vào chỗ chấm: 56 ... 73

- A. >. B. <. C. =. D. +.

Câu 8. Số gồm 4 chục và 6 đơn vị là số

- A. 46. B. 64. C. 406. D. 604.

II. Tự luận

Câu 9. Viết số.

Số gồm 3 chục và 8 đơn vị là số

Số gồm 5 chục và 1 đơn vị là số

Số gồm 7 chục và 2 đơn vị là số

Số gồm 9 chục và 0 đơn vị là số

Câu 10. Viết số.

Số 29 gồm ... chục và ... đơn vị.

Số 44 gồm ... chục và ... đơn vị.

Số 67 gồm ... chục và ... đơn vị.

Số 83 gồm ... chục và ... đơn vị.

Câu 11. Điền >, <, =?

35 ... 83

93 ... 46

74 ... 74

63 ... 17

64 ... 63

82 ... 94

43 ... 50

26 ... 46

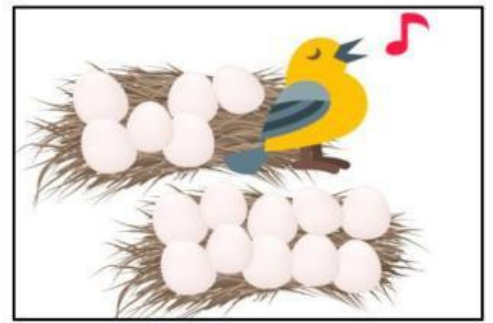
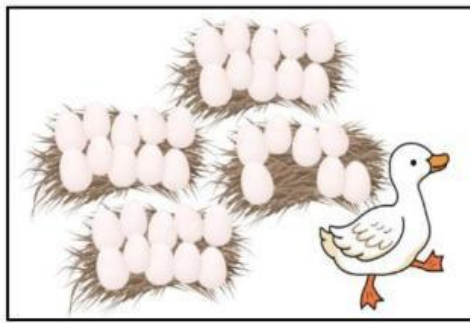
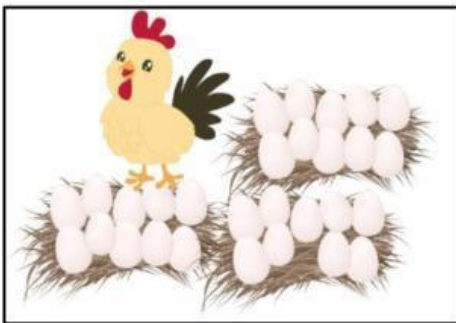
Câu 12. Cho các số: 83, 35, 79, 20.

a) Số bé nhất là:

b) Số bé lớn là:

c) Sắp xếp các số theo thứ tự từ bé đến lớn:

Câu 13. Xem tranh rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm.



a) Gà có ... quả trứng.

b) Vịt có ... quả trứng.

c) Chim có ... quả trứng.

d) có số quả trứng ít nhất.

e) có số quả trứng nhiều nhất.

RÈN TIẾNG VIỆT ĐỌC HIỂU

I. Dựa vào nội dung bài đọc “Khỉ con ngoan ngoãn”, em hãy khoanh tròn vào chữ cái đặt trước ý trả lời đúng nhất hoặc viết nội dung trả lời cho các câu còn lại.

Khỉ con ngoan ngoãn

Vào một ngày xuân, bác voi tặng khỉ con một quả lê. Khỉ con cảm ơn bác voi rồi thoăn thoắt chạy về nhà. Khỉ con chọn quả lê to nhất biểu ông nội, quả lê to thứ hai biểu bố mẹ. Khỉ con chọn quả lê to thứ ba cho khỉ em. Khỉ em thích quá, ôm chầm lấy anh mình và ngoạm thử một miếng. Hai anh em cùng nhau vui vẻ cười vang khắp nhà.

Câu 1. Ai đã tặng cho khi con một rổ lê?

- A.** Cô gấu.
B. Bác voi.
C. Chú sóc.
D. Bác gõ kiến.

Câu 2. Khi con đã làm gì khi được bác voi cho rỏ lê?

- A.** Khi con ăn luôn. **B.** Khi con không lấy.
C. Khi con cảm ơn bác voi. **D.** Khi con mang cát đi.

Câu 3. Khi con đã biếu quả lê to nhất cho ai?

- A. Bố.** **B. Mẹ.**
C. Khi em. **D. Ông nội.**

Câu 4. Em thấy khi con là một bạn nhỏ như thế nào?

Phi.com

II. Bài tập

Câu 5. Điền âm s hay x?

mùauân

.....ợ hãi

chimè

.....uất hiện

Câu 6. Điền vần oan hay ăn?

liên h.....

tóc x.....

máy kh.....

bản kh.....